TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/DS-ST
Ngày: 23-5-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Như N.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thanh T.
2. Ông Trần Văn D.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Quỳnh M - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm H - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 93/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:
Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT.
Địa chỉ trụ sở chính: Số 2xx-2xx, đường NKKN, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Ông Trần Đức T, sinh năm 1984 *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.
Địa chỉ: Số 2xx-2xx, đường NKKN, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Giấy ủy quyền số 867/2020/UQ-TTT ngày 23-7-2020).

2. Bị đơn: Bà Diệp Thị Kim N, sinh năm 1978 (*vắng mặt)*.
Địa chỉ: Số 13x/6x đường HH, Phường B, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT cùng bản khai trình bày của ông Trần Đức T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ngày 03-8-2009, Bà Diệp Thị Kim N có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (*sau đây gọi tắt là ngân hàng*) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (*bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng*). Căn cứ theo thu nhập và đề nghị của bà N, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà N với hạn mức sử dụng là 10,000,000 (*mười triệu*) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 23,452,049 (*hai mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi chín*) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay, bà N đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 24,330,100 (*hai mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi nghìn, một trăm*) đồng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 26-4-2011, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 23-5-2022, bà N còn nợ ngân hàng số nợ tổng cộng là 32,074,741 (*ba mươi hai triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi mốt*) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 6,200,620 đồng.

- Lãi quá hạn: 25,874,121 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu bà N trả ngay số nợ trên một lần cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được tính tiếp theo từ ngày 24-5-2022 cho đến khi thanh toán xong nợ. Ngoài ra ngân hàng không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn Bà Diệp Thị Kim N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT ông Trần Đức T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn Bà Diệp Thị Kim N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ hai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

+ Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng". Xét bị đơn có nơi cư trú tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên". Do không có đương sự yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về người đại diện tham gia tố tụng:

Văn bản ủy quyền *số 867/2020/UQ-TTT ngày 23-7-2020* của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT ủy quyền cho ông Trần Đức T đại diện tham gia tố tụng là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

[4] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT:

Về số tiền nợ gốc:

Xét lời khai của nguyên đơn về việc Bà Diệp Thị Kim N ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và thực hiện các giao dịch với số tiền tổng cộng là 23.452.049 đồng, nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, còn nợ số tiền nợ gốc là 6.200.620 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 2 Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản. Một bên đương sự không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Xét thấy bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, trong đó có ghi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án, nhưng bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản thể hiện sự phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, cũng như không có văn bản trình bày về số tiền đã thực hiện giao dịch, số tiền đã thanh toán nợ gốc, nợ lãi, nên Hội đồng xét xử căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03-8-2009, các bảng sao kê, các Thông báo của ngân hàng do nguyên đơn nộp cho Tòa án, chấp nhận lời khai của nguyên đơn.

Về số tiền lãi:

Tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: "Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng". Xét thấy bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 26-4-2011, Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT đã chuyển toàn bộ dư nợ của bà N sang nợ quá hạn là phù hợp thỏa thuận giữa hai bên được quy định tại Điều 23 của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền nợ lãi quá hạn theo bảng sao kê của nguyên đơn nộp cho Tòa án tính đến ngày 23-5-2022 là 25,874,121 đồng. Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Xét thấy lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận bằng 150% của lãi suất trong hạn là không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Căn cứ Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Bà Diệp Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số tiền nợ gốc là 6.200.620 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 23-5-2022 là 25,874,121 đồng.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày 24-5-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005,

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng,

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

- Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Bà Diệp Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền nợ là 32,074,741 (*ba mươi hai triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi mốt*) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 6,200,620 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23-5-2022 là 25,874,121 đồng.

Kể từ ngày 24-5-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng (là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03-8-2009 của ngân hàng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 1,603,737 (một triệu, sáu trăm lẻ ba nghìn, bảy trăm ba mươi bảy) đồng, Bà Diệp Thị Kim N chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 686,190 (sáu trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm chín mươi) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0049590 ngày 07-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo : Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT, Bà Diệp Thị Kim N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND Q.10;
-Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Như Nhiên